TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HS-ST
Ngày 10-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Ngài.

2. Ông Thạch Thanh Long.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Ươn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2022/HSST, ngày 23 tháng 3 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HS, ngày 21 tháng 4 năm 2022 đối với:

Bị cáo Lê Nguyễn Minh B;

Sinh ngày 02/6/2002 tại tỉnh Vĩnh Long; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hoá: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Con ông Lê Văn K, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977. Anh chị em ruột: Có 01 người, sinh năm 1997. Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Không. Tiền sự: Không.

Bị cáo Lê Nguyễn Minh B bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 14 tháng 01 năm 2022 đến ngày 17 tháng 01 năm 2022 chuyển sang tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:* Ông Châu Văn N, sinh năm 1981 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Trung T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Huỳnh Hoàng T, sinh năm 2001 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. Ông Nguyễn Phương Thái N, sinh năm 2000 (xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 (xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.
- *Người làm chứng:*
Bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993 (xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Vật chứng cần đưa ra xem xét tại phiên tòa gồm:* Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 14 tháng 01 năm 2022, Huỳnh Hoàng T rủ bị cáo Lê Nguyễn Minh B đến nhà Nguyễn Phương Thái N để uống rượu. Khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, N kêu bị cáo B đi mua ống nước dùm nên bị cáo B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI RAIDER, màu đỏ - đen, biển kiểm soát 64D1 – 530.74 của Ngọc đến tiệm tạp hóa Song N tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh để mua. Tại đây, bị cáo B nhìn thấy một xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER 135 màu xanh - trắng – đen, biển kiểm soát 84L1 – 691.85 dựng phía trước tiệm tạp hóa Song N cập đường nhựa, đầu xe hướng về xã T, đuôi xe hướng về xã A là tài sản do ông Châu Văn N trực tiếp quản lý, sử dụng (chủ sở hữu tài sản là ông Lê Trung T, sinh năm 1990, nơi cư trú ấp 9, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh). Do xe không có người trông coi, có gắn sẵn chìa khóa nên bị cáo Bằng nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô trên.

Sau khi mua ống nước xong, bị cáo B quay về nhà N thì T kêu bị cáo B đi mua gia vị để ướp thịt nướng uống rượu, bị cáo B nói dối với T là có người thân gửi xe mô tô từ Thành phố H về cho bị cáo B nên nhờ T đi theo để chạy xe về, T tin tưởng nên đi theo. Bị cáo B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64D1 – 530.74 chở theo T đến tiệm tạp hóa trên, khi đến nơi thì xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 691.85 vẫn còn dựng tại đây. Bị cáo B cho xe đậu cập hong bên trái xe mô tô YAMAH EXCITER rồi chỉ tay về phía xe, nói với T đây là xe của bị cáo B và nhờ T điều khiển về dùm nhưng T không đồng ý nên bị cáo B mua gia vị đưa cho T và kêu T chạy xe mô tô biển kiểm soát 64D1 – 530.74 về trước. Lợi dụng lúc không ai trông coi, trên xe có gắn sẵn chìa khóa, bị cáo B nhanh chóng đi đến mở khóa và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 691.85 về nhà N rồi dựng trước cửa nhà, đầu xe quay ra đường nhựa, đuôi xe quay vào nhà N. Sau khi tổ chức uống rượu đến khoảng 17 giờ cùng ngày, bị cáo B nghỉ uống rượu và lấy dụng cụ ngồi tăng sên xe thì bị lực lượng Công an huyện C đến bắt quả tang bị cáo B cùng xe mô tô vừa lấy trộm.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C yêu cầu định giá tài sản đối với xe môtô biển kiểm soát 84L1 – 691.85, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER, màu xanh - trắng - đen, số máy 1S92011342, số khung RLCE1S9206Y011342.

Tại kết luận định định giá tài sản số 02/BKL-HĐĐG ngày 15 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: Xe môtô biển kiểm soát 84L1 – 691.85, nhãn hiệu YAMAHA, số loại EXCITER,

màu xanh - trắng - đen, số máy 1S92011342, số khung RLCE1S9206Y011342 tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là 25.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 (một) xe môtô biển kiểm soát 84L1 – 691.85, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn xanh - trắng - đen, số máy 1S92011342, số khung RLCE1S9206Y011342.

01 (một) xe môtô biển kiểm soát 64D1 – 530.74, nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn đỏ - đen, số máy CGA1528783, số khung RLSDL11ANKV128851.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại một xe môtô biển kiểm soát 84L1 – 691.85, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn xanh - trắng - đen, số máy 1S92011342, số khung RLCE1S9206Y011342 cho bị hại Châu Văn N.

Vật chứng còn lại: 01 (một) xe môtô biển kiểm soát 64D1 – 530.74, nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn đỏ - đen, số máy CGA1528783, số khung RLSDL11ANKV128851.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Châu Văn N sau khi nhận lại tài sản bị mất trộm còn nguyên vẹn, nên không có yêu cầu.

Tại Cáo trạng số: 19/CT-VKS-HS, ngày 23/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long truy tố bị cáo Lê Nguyễn Minh B tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Nguyễn Minh B thống nhất với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là: "Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 14/01/2022, tại tiệm tạp hóa Song N tọa lạc tại ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Bị cáo đã có hành vi lấy trộm xe môtô biển kiểm soát 84L1 – 691.85, nhãn hiệu EXCITER, màu sơn xanh - trắng - đen của anh Châu Văn N. Chiếc xe này, tại thời điểm bị cáo lấy trộm có giá là 25.000.000 đồng".

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Nguyễn Minh B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 14/01/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, nay bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về vật chứng: Giao trả cho bà Nguyễn Thị T một xe môtô biển kiểm soát 64D1 – 530.74, nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn đỏ - đen, số máy CGA1528783, số khung RLSDL11ANKV128851.

Ngoài ra, vị còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát và bị cáo không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1] Lời khai của bị cáo Lê Nguyễn Minh B tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với các tài liệu, vật chứng và các chứng cứ khác do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C thu thập có được trong hồ sơ vụ án. Do vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo Lê Nguyễn Minh B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng qui định của pháp luật.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, tài sản hợp pháp của công dân là quyền bất khả xâm phạm và được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm tài sản của người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là vi phạm pháp luật. Bị cáo Lê Nguyễn Minh B là người có đầy đủ năng lực hành vi, có sức khỏe để tham gia lao động tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và cho gia đình, nhưng bị cáo không làm được việc này, lợi dụng sự quản lý tài sản sơ hở của bị hại, bị cáo lấy trộm tài sản nhằm mục đích làm phương tiện đi lại nên đã lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến tài sản của bị hại mà còn gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, hành vi của bị cáo thể hiện bị cáo xem thường pháp luật.

[3] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra. Nhằm góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt hình sự bị cáo Lê Nguyễn Minh B là cần thiết, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ sức giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử cũng cần xem xét những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải hành vi phạm tội; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là, những tình tiết để giảm nhẹ cho bị cáo theo các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Huỳnh Hoàng T: Được bị cáo Lê Nguyễn Minh B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64D1 – 530.74 chở đến tiệm tạp hóa Song N để bị cáo Bằng lấy xe mô tô do người thân gửi về từ Thành phố H, vì tin tưởng nên đồng ý đi cùng. Việc bị cáo B lấy trộm xe mô tô biển kiểm soát 84L1 – 691.85 Huỳnh Hoàng T hoàn toàn không biết và không tham gia. Hành vi của Huỳnh Hoàng T không cấu thành tội phạm nên không xử lý.

Đối với Nguyễn Phương Thái N: Là người trực tiếp quản lý xe mô tô biển kiểm soát 64D1 – 530.74, có nhờ bị cáo B điều khiển xe đi mua ống nước. Riêng việc bị cáo B sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện đi trộm xe của người khác thì N hoàn toàn không biết. Hành vi của Nguyễn Phương Thái N không cấu thành tội phạm nên không xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, nay bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[5] Về vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu hồi 01 (một) xe môtô biển kiểm soát 84L1 – 691.85, nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn xanh - trắng - đen, số máy 1S92011342, số khung RLCE1S9206Y011342 và trả cho bị hại Châu Văn N, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 (một) xe môtô biển kiểm soát 64D1 – 530.74, nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn đỏ - đen, số máy CGA1528783, số khung RLSDL11ANKV128851 là tài sản của bà Nguyễn Thị T không liên quan đến hành vi phạm tội, tuyên trả cho bà T.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Nguyễn Minh B có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Tuyên bố: Bị cáo Lê Nguyễn Minh B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Nguyễn Minh B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 14/01/2022.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[3] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên trả cho bà Nguyễn Thị T: 01 (một) xe môtô biển kiểm soát 64D1 – 530.74, nhãn hiệu SUZUKI, số loại RAIDER, màu sơn đỏ - đen, số máy CGA1528783, số khung RLSDL11ANKV128851.

[4] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Nguyễn Minh B có nghĩa vụ nộp 200.000 đồng *(Hai tram ngàn đồng)*.

Án xét xử công khai cáo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 06; Điều 07 và Điều 09 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Hoàng Vân